

NGÀNH NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT THỜI GIAN QUA VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN THỜI GIAN TỚI

PHAN VĂN CHIỀU

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGHỀ NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT THỜI GIAN QUA

Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 của Ban chấp hành Trung ương Đảng chỉ rõ: « Đề tăng thêm thực phẩm cho nhân dân và dành một phần để xuất khẩu, cần phát triển mạnh nghề nuôi cá nước ngọt ở khắp các địa phương ».

Qua một thời gian thực hiện Nghị quyết 19, ngành nuôi cá nước ngọt bước đầu được phát triển rộng khắp ở cả bốn vùng và trong cả ba thành phần kinh tế.

Đến nay chúng ta đã sử dụng 100% ao, 39% mặt nước lớn, 21% ruộng chiêm trũng để nuôi, thả cá. Năng suất bình quân: ao đạt 10 tạ/ha, ruộng đạt 0,8 tạ/ha, mặt nước lớn đạt 1,8 tạ/ha. Về giống, đã sản xuất được 650 triệu con, bằng 30% yêu cầu để có thể nuôi, thả hết diện tích sẵn có. Các cơ sở sản xuất của ngành nuôi cá nước ngọt hiện có: 30 quốc doanh, 123 trạm, trại giống của Nhà nước. Hầu hết các cơ sở này đã chuyển sang kinh doanh hạch toán theo những nguyên tắc quản lý của xí nghiệp nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm qua, các cơ sở này đã nộp lãi trên một triệu đồng. Ngoài ra, còn có 7000 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có nuôi cá, chiếm 45% tổng số hợp tác xã nông nghiệp toàn miền Bắc. Riêng đối với những hợp tác xã đặt nghề nuôi cá thành một ngành kinh doanh chính, thì giá trị thu nhập của nghề nuôi cá nước ngọt chiếm từ 10 đến 40% tổng giá trị thu nhập của hợp tác xã. Giá trị ngày công trung bình của nghề cá nước ngọt rất cao: 2 — 5 đồng.

Việc đưa những tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất và đào tạo cán bộ kỹ thuật

trong nghề cá nước ngọt cũng đạt được một số kết quả nhất định: chủ động cho các loại cá nuôi có năng suất cao để được trong ao; nuôi thả được cá trên tất cả các loại mặt nước; có nhiều điển hình nuôi cá mặt nước tĩnh có năng suất từ 5 đến 7 tấn/ha, nuôi cá mặt nước chảy đạt từ 20 đến 100 tấn/ha; khai thác được các loài cá ở các loại mặt nước có đáy phức tạp, có mẻ lưới đạt được trên 100 tấn cá... Bước đầu đã xây dựng và thực hiện được 8 qui trình sản xuất cá giống, cá thịt, chế tạo kích dục tố gonado stimulin B. Trong công tác nghiên cứu, đã điều tra cơ bản ở một số hồ, sông lớn, ruộng trũng. Bước đầu, đã xác định được môi trường và thành phần ngư loại để xây dựng được nhiệm vụ thiết kế và phục vụ việc chỉ đạo sản xuất. Đã lai tạo thành công cá chép kính (của nước ngoài) với cá chép vảy (của ta) có kết quả tốt. Đã bước đầu cho cá trê để nhân tạo và nuôi cá trê với năng suất cao, có triển vọng đưa nhanh ra sản xuất để góp phần tạo nên nguồn hàng xuất khẩu. Về đào tạo cán bộ, đã có 12 phó tiến sĩ, 530 kĩ sư, 1600 trung cấp, hàng vạn sơ cấp và công nhân kĩ thuật nuôi cá nước ngọt.

II. NHỮNG TỒN TẠI CHỦ YẾU

Bên cạnh những thành tích và ưu điểm nói trên, ngành cá nước ngọt còn có một số khuyết điểm sau đây cần khắc phục:

1. Diện tích sử dụng còn quá ít (mới chiếm 32% so với tổng số diện tích có thể nuôi, thả); năng suất cá trên một đơn vị diện tích còn thấp; sản lượng cá chưa nhiều; phong trào phát triển không đều giữa bốn vùng và

giữa ba khu vực: khu IV cũ, miền núi còn quá yếu. Mặt khác, nghề cá nước ngọt ở ta còn mang nặng tính chất tự cấp, tự túc: thả là chính, nuôi chưa phổ biến, thường dựa vào cá tự nhiên mà khai thác, chưa áp dụng thật tốt các biện pháp kĩ thuật tiến bộ; việc thâm canh tăng năng suất trên tất cả các mặt nước đều kém. Khả năng thực tế của nghề nuôi cá nước ngọt của ta còn rất nhiều nhưng chưa được chú ý khai thác triệt để. Việc bảo vệ nguồn cá chưa được coi trọng. Việc đánh bắt còn chưa đúng kĩ thuật, chưa đúng qui trình (đánh cả cá mẹ và cá con bằng các loại ngư cụ, bằng cả thuốc nổ, mìn, lá có chất độc...).

2. Việc xây dựng cơ sở vật chất—kĩ thuật cho nghề cá nước ngọt còn quá nghèo nàn: chưa có một trại giống nào hoàn chỉnh; ao nhỏ chưa được cải tạo; các công trình xây dựng phục vụ cho sản xuất cá ở những hồ thủy lợi lớn hầu như chưa có gì; bãi khai thác cá chật hẹp không kịp thời; trang bị chưa đồng bộ theo nhiệm vụ thiết kế; cơ sở nghiên cứu khoa học, kĩ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân kĩ thuật của ngành còn nhỏ bé; cơ sở thực nghiệm chưa có; việc đầu tư vốn, vật tư, thiết bị, máy móc trong những năm gần đây còn nhiều chỗ chưa hợp lí; chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của sản xuất, khai thác, chế biến, tiêu thụ.

3. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa của ngành cá nước ngọt đã được xác lập nhưng chưa được củng cố. Nghề khai thác cá sông mới tập thể hóa được 52%, ao nhỏ của hợp tác xã nuôi cá mới tập thể hóa được trên 60%. Qui mô sản xuất của các cơ sở quốc doanh còn nhỏ bé (khoảng 40% quốc doanh nuôi cá mới chỉ sử dụng trên dưới 100 ha mặt nước). Phương thức sản xuất của ngành cá nước ngọt vẫn mang nặng tính chất phân tán, lạc hậu. Trong sản xuất, tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa giống, thức ăn, công cụ khai thác khá phổ biến ở nhiều cơ sở sản xuất và kinh doanh. Trong thu mua sản phẩm, số lượng mua được còn quá ít so với tổng sản lượng cá thu được hằng năm. Việc quản lí sản phẩm còn rất lỏng lẻo trong các hợp tác xã khai thác cá sông.

Tình hình không hợp lí đó đã gây ra nhiều khó khăn cho Nhà nước trong việc thu mua, cung cấp thực phẩm cho các thành phố lớn và các khu công nghiệp tập trung.

4. Tổ chức của ngành cá nước ngọt từ trung ương đến địa phương còn chưa ổn định, thiếu hiệu lực, chưa thông suốt hai chiều từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên. Việc bố trí, sử dụng, cất nhắc, quản lí cán bộ còn có

nhều thiếu sót. Việc bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công nhân nghề cá còn chưa làm được bao nhiêu. Việc đưa cán bộ có năng lực của ngành cá về tăng cường cho cấp huyện và cơ sở sản xuất còn ít. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các biện pháp kĩ thuật tiến bộ vào sản xuất còn bị coi nhẹ. Việc xây dựng, bồi dưỡng các điển hình nuôi cá giỏi để phát huy tác dụng từ « điển » ra « diện » còn bị bó hẹp trong từng hợp tác xã và trong từng vùng nhỏ. Việc nhân điển hình, học tập điển hình, đuổi kịp và vượt điển hình còn rất chậm. Việc chỉ đạo của ngành và của các cấp có trách nhiệm đối với ngành cá nước ngọt còn phân tán, thiếu tập trung, chưa toàn diện, thiếu tổng kết và phổ biến kinh nghiệm kịp thời.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NGHỀ NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT THỜI GIAN TỚI

A. Về phương hướng.

Trong những năm tới, cần ra sức phát triển nuôi, thả, bảo vệ, khai thác cá và các nguồn lợi thủy sản nước ngọt khác ở toàn bộ diện tích mặt nước hiện có. Phải phát triển rộng khắp và đồng đều nghề nuôi cá nước ngọt ở khắp bốn vùng và ba thành phần kinh tế, đi đôi với các biện pháp kĩ thuật và thâm canh tăng năng suất. Đồng thời với việc phát triển các cơ sở quốc doanh và hợp tác xã nuôi cá, lấy quốc doanh làm trung tâm, phải phát động cho được một phong trào rầm rộ « toàn dân nuôi cá, bảo vệ cá » để có nhiều sản phẩm cải thiện đời sống nhân dân, làm thức ăn cho gia súc và có nhiều hàng hóa xuất khẩu. Cần tổ chức lại sản xuất trong ngành cá nước ngọt, xây dựng nhanh cơ sở vật chất và kĩ thuật, đưa nhanh những tiến bộ kĩ thuật mới về nuôi cá vào thực tế sản xuất. Phải hướng dẫn việc thực hiện rộng rãi các qui trình kĩ thuật, các định mức kinh tế—kĩ thuật; đồng thời phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, kĩ thuật; bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ kĩ thuật, cán bộ quản lí kinh tế và công nhân lành nghề của ngành, để làm cơ sở phát triển cho những năm sau. Phải phát triển ngành nuôi cá nước ngọt thành một trong những ngành sản xuất chính của toàn bộ cơ cấu chăn nuôi miền Bắc nước ta. Cần nhận thức sâu sắc rằng: trong quá trình đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính trong nông nghiệp thì trước hết, nghề nuôi cá nước

ngọt phải trở thành một ngành sản xuất chính trong chăn nuôi.

B. 10 biện pháp cụ thể.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ cho ngành nuôi cá nước ngọt rất nặng nề: « Phải phát động cho được một phong trào toàn dân nuôi cá; đưa các qui trình, tiêu chuẩn kĩ thuật vào các cơ sở sản xuất của ngành cá ». Để hoàn thành tốt những nhiệm vụ đó, trước mắt chúng ta phải tiến hành 10 biện pháp cụ thể sau đây:

1. Phải xúc tiến phân vùng, qui hoạch và phát huy thế mạnh của từng vùng, ưu thế của từng loại mặt nước.

a. Đối với từng vùng:

— Vùng đồng bằng: diện tích ao nhỏ chiếm 63%, diện tích mặt nước lớn chiếm 15% trong tổng số diện tích nuôi cá toàn miền Bắc. Các diện tích đó ở đồng bằng phần lớn là hồ tự nhiên và ruộng trũng, có điều kiện nuôi cá đạt năng suất cao. Phải phấn đấu để năng suất mặt nước tĩnh đạt 20 — 30 tạ/ha; hồ tự nhiên đạt 10 tạ/ha; ruộng trũng đạt 3 — 5 tạ/ha. Vùng này có khả năng đạt sản lượng bằng 63% tổng sản lượng cá nuôi toàn miền Bắc.

— Vùng trung du và miền núi: diện tích mặt nước lớn chiếm 60% (phần lớn là hồ thủy lợi), lại có nhiều suối và eo khác có điều kiện nuôi cá đạt năng suất rất cao: ở nước chảy đạt 20 — 100 tấn/ha, hồ thủy lợi 2 — 5 tạ/ha. Vùng này có khả năng đưa tỉ lệ sản lượng lên 23,7% trong tổng sản lượng cá nuôi toàn miền Bắc.

— Vùng khu IV cũ: phải đẩy mạnh việc khôi phục và phát triển nuôi cá ở hồ thủy lợi và sông, nhằm đạt năng suất: hồ thủy lợi 2 — 3 tạ/ha, sông 1 — 2 tạ/ha, nuôi cá nước chảy 20 — 30 tấn/ha và có khả năng đưa sản lượng vùng này lên 12% tổng sản lượng cá nuôi toàn miền Bắc.

— Vùng thành phố và các khu công nghiệp tập trung (Hà-nội, Hải-phòng, Quảng-ninh, Bắc-thái, Việt-tri, Nam-định, Vinh...) yêu cầu nhiều thực phẩm, cần xây dựng những quốc doanh và hợp tác xã chuyên nuôi cá, có sản lượng tập trung, sản phẩm hàng hóa nhiều, trên cơ sở đó tận dụng diện tích và tăng cường cơ sở vật chất—kĩ thuật, đẩy mạnh phong trào nuôi, thả cá đi trước một bước so với các vùng khác để góp phần giải quyết thực phẩm tại chỗ cho các khu công nghiệp lớn.

b. Đối với từng loại mặt nước:

— Ao nhỏ: là loại mặt nước có điều kiện

nuôi cá đạt năng suất cao. Phải dành ao để làm giống và chia mặt nước cho xã viên thả bèo nuôi lợn, kết hợp với nuôi cá. Phải dành khoảng 86% ao để nuôi cá thịt có năng suất cao. Phải cải tạo đáy ao cho sâu thêm, phá bớt bờ để biến ao nhỏ thành ao lớn. Cần cải tạo số ao còn lại để đưa 6% diện tích ao vào nuôi tăng sản có năng suất 3 tấn/ha.

— Ruộng trũng: chỉ cấy được một vụ lúa chiêm xuân, còn một vụ để nuôi cá. Trong những năm tới, cần qui hoạch xong các khu ruộng ở các tỉnh trên cơ sở bờ vùng, bờ thửa sẵn có của từng hợp tác xã mà sử dụng. Những khu ruộng 2 — 3 hợp tác xã chung nhau thì có thể tổ chức liên doanh. Phải có kế hoạch xây dựng mương máng, cải tạo đáy ao làm khu tập trung cá để đưa ít nhất là 50% số ruộng chiêm trũng có thể nuôi được cá.

— Mặt nước lớn: muốn sử dụng được cần đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở sản xuất giống ở những hồ đã có (Thác-bà, Cẩm-sơn, Đồng-mô, Ngãi-sơn). Cần đưa những diện tích mặt nước lớn đó vào nuôi, thả nhằm đạt sản lượng bằng 18% tổng sản lượng cá nước ngọt của miền Bắc. Đồng thời, phải kết hợp với thủy lợi để chặt dọn, san ủi các bãi khai thác cá, xây dựng các ao cá giống ở những hồ đang xây dựng (núi Cốc, Ba-khoan, Kẽ-gỗ, Hưng-thi...).

— Sông ngoài đê: có khoảng vài chục vạn hecta. Cần củng cố những hợp tác xã đánh cá sông ở vùng thực phẩm và đẩy mạnh khai thác cá sông để đạt sản lượng bằng 11% tổng sản lượng.

2. Phải phát triển nuôi cá ở cả ba thành phần kinh tế: quốc doanh, tập thể, gia đình.

— Quốc doanh nuôi cá: phải sử dụng các loại mặt nước lớn mà hợp tác xã không đủ khả năng làm. Phải xây dựng những xí nghiệp nuôi cá có năng suất cao ở các vùng thực phẩm và cải tạo các trại giống, sản xuất cá bột: mè, trôi, trắm bán cho các hợp tác xã. Ngoài cá ra, quốc doanh phải kinh doanh tổng hợp: cá, lợn, vịt. Phải gieo trồng các loại cây, cỏ để làm thức ăn cho cá và tăng thêm thực phẩm cho Nhà nước. Phải áp dụng tốt các tiến bộ kĩ thuật và các chế độ quản lí kinh tế xã hội chủ nghĩa vào sản xuất, kinh doanh nhằm phát huy được tác dụng gương mẫu, đầu tàu của kinh tế quốc doanh với các thành phần kinh tế khác.

— Hợp tác xã nông nghiệp: cần tiến hành nuôi cá tại các loại mặt nước thuộc hợp tác xã quản lí. Phải tự sản xuất đủ giống rô phi, chép, diếc và mua cá bột: mè, trôi, trắm của

quốc doanh về đề ương, nuôi và cung cấp cho gia đình xã viên. Khu vực kinh tế tập thể phải đảm nhiệm một sản lượng bằng 81% tổng sản lượng của cả ngành cá nước ngọt.

— Hợp tác xã khai thác cá sông : cần tổ chức những ngư dân chuyên nghiệp ở khu vực này vào hợp tác xã. Cần chuyển những hộ bán chuyên nghiệp về nông nghiệp. Trên cơ sở củng cố tổ chức hợp tác xã mà từng bước định cư mua-sắm công cụ mới, cải tiến công cụ sản có, tiến hành bảo vệ, khai thác nguồn lợi cá sông và bán sản phẩm cho Nhà nước theo hợp đồng hai chiều đã kí kết. Cục Cá nước ngọt cần chỉ đạo một điểm khai thác cá sông ở Hà-nội để rút kinh nghiệm phổ biến chung.

— Các cơ quan xí nghiệp, doanh trại bộ đội và gia đình xã viên : chủ yếu là tự túc, dựa vào việc cung cấp giống và hướng dẫn kĩ thuật của hợp tác xã và quốc doanh. Riêng các doanh trại bộ đội, nơi nào sử dụng nhiều diện tích mặt nước thì phải tự sản xuất đủ giống rô phi, chép, diếc ; phải mua cá bột, cá hương mè, trôi, trắm về ương để phát triển nuôi cá theo yêu cầu của mình. Nông trường quốc doanh cần có một bộ phận chuyên trách kinh doanh về cá.

3. Phải tăng cường cải tạo, xây dựng và củng cố hệ thống giống từ trung ương đến tỉnh, huyện, hợp tác xã để tự sản xuất đủ cá giống cho hầu hết các diện tích mặt nước.

Phải đẩy mạnh việc sản xuất con giống rô phi, chép, diếc, mè, trôi, trắm ; đồng thời tận dụng các loại cá địa phương. Tất cả các cơ sở có nuôi cá đều phải có diện tích ương nuôi cá giống. Phần đầu đến năm 1980 phải có 1300 triệu con cá giống cỡ 8—12 cm. Riêng trong hai năm tới (1976—1977) là năm mà tốc độ tận dụng diện tích thả cá sẽ tăng rất nhanh, do đó cần có nhiều giống để nuôi, nên phải đẩy mạnh sản xuất cá giống rô phi, chép, diếc trong các hợp tác xã. Nơi nào chưa làm được thì trạm, trại Nhà nước sẽ phải làm để cung cấp cá bố, mẹ, cá giống cho hợp tác xã và gia đình xã viên. Phải đẩy mạnh sản xuất mè, trôi, trắm ở các trạm trại quốc doanh và ở các hợp tác xã đã có bề dề, bề vòng. Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất giống, cần gấp rút qui hoạch lại hệ thống trạm trại giống theo hướng «trại tỉnh sản xuất cá bột ; trại huyện ương cá bột thành cá hương ; hợp tác xã nuôi cá hương thành cá giống ; xã viên nuôi cá giống thành cá thịt». Riêng một số tỉnh miền núi, cần có một số trại tổng hợp, sản xuất cả cá bột, cá hương, cá giống. Ở một

số khu vực thuộc miền núi, cần đẩy mạnh sản xuất cá trắm cỏ để phục vụ cho việc nuôi cá nước chảy. Từ nay, Nhà nước sẽ bước đầu thống nhất quản lí kinh doanh cá bột và cá hương mè, trôi, trắm bằng cách tự cho đẻ trong ao, vớt cá bột ở sông Hồng và lai tạo những giống cá mới. Công việc này sẽ do các công ti nuôi cá của Cục Cá nước ngọt và của các tỉnh làm. Phải chấm dứt tình trạng tư nhân buôn bán cá giống.

4. Phải kết hợp giữa « nuôi cá với chăn nuôi lợn, vịt ».

Thức ăn của cá trong những năm tới chủ yếu là phân gia súc và cây, cỏ, rau bèo. Trước mắt, cần khoảng 30 vạn tấn phân chuồng và các thức ăn khác cho việc nuôi cá nước ngọt. Việc giải quyết nguồn thức ăn đó có khó khăn về đất trồng và về nguồn phân lợn. Phải có các biện pháp tận dụng các phế liệu của công nghiệp, nông nghiệp, tận dụng đất, đáy ao để trồng trọt và nuôi vịt, nuôi lợn ; hình thành công thức chăn nuôi tổng hợp « cá, vịt, lợn ». Phải nuôi ghép trắm cỏ với rô phi để giải quyết nguồn thức ăn của từng loại cá cho thích hợp. Cụ thể, quốc doanh cần xây dựng đàn lợn khoảng 25000 con để phục vụ cho việc nuôi cá. Những nơi xa chuồng nuôi lợn của Nhà nước thì phải xây dựng chuồng nuôi lợn ngay tại trại cá giống. Những nơi gần chuồng nuôi lợn của Nhà nước thì trại cá cần kí hợp đồng để thu mua một phần phân lợn cho cá ăn. Phải tích cực tận thu phân trâu, bò để làm nguồn thức ăn cho cá. Với các hợp tác xã có nuôi cá, thì ban quản trị cần cân đối nguồn phân giữa cá và lúa, để nuôi tăng số đầu lợn, lấy phân cho cá. Ngoài phân chuồng ra, cần có kế hoạch tận dụng hết diện tích bờ mương, bờ ao để có ; đi đôi với việc luân phiên đáy ao và thâm canh tốt nhất đất 5% dành cho chăn nuôi lợn. Riêng tỉnh bột, cũng cần một số ít để hỗ trợ cho nghề nuôi cá. Nhà nước cần cung cấp chất bột cho cá theo hợp đồng hai chiều.

5. Phải tổ chức « khai thác, bảo quản, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ » trong ngành cá nước ngọt thành một khâu liên hoàn.

Khai thác cá nước ngọt hiện nay là một vấn đề còn rất mới, nên cần có chế độ đánh bắt đối với từng loại mặt nước như sau :

— Ao, ruộng của hợp tác xã : chủ yếu là « tháo nước, bắt cá » ; còn thường xuyên cần « đánh tía, thả bù » theo định kì một năm 1—2 lần. Cần tổ chức thí điểm những đội khai thác cá ở các huyện có nhiều diện tích nuôi cá, để

các đội này đến khai thác cá cho từng hợp tác xã theo hợp đồng.

— Mặt nước lớn của quốc doanh và sông ngoài đê của hợp tác xã khai thác cá: cần được trang bị đủ công cụ, phương tiện đánh bắt cần thiết theo hướng thủ công kết hợp với cơ giới và phải cơ giới hóa từng phần trong khâu đánh bắt, vận chuyển. Công ti Thủy sản trung ương cần tổ chức một số đội khai thác bằng lưới liên hợp cho các tỉnh. Việc trang bị nửa cơ giới, cơ giới ở các hợp tác xã khai thác cá sông sẽ do Cục Cá nước ngọt làm thí điểm ở 1—2 hợp tác xã để có kinh nghiệm hướng dẫn các nơi khác. Cần tổ chức bảo quản sản phẩm ngay từ lúc khai thác, như gỡ cá, bắt cá kịp thời và có phương tiện vận chuyển cá đến ngay nơi tiêu thụ. Những hồ lớn như Thác-bà, Cẩm-sơn cần tổ chức một số cơ sở ướp lạnh để bảo quản cá. Việc tiêu thụ sản phẩm của cá chủ yếu là ăn tươi; ngoài ra cần dành một phần để chế biến nước mắm, muối chượp làm thức ăn cho người và gia súc.

6. Phải đẩy mạnh xây dựng cơ bản và trang bị công cụ sản xuất cho ngành cá nước ngọt.

Xây dựng cơ bản là vấn đề cấp thiết hiện nay trong nghề cá nước ngọt. Phải xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống giống của quốc doanh, hợp tác xã với hai trọng tâm: trại sản xuất cá bột của tỉnh và ao sản xuất cá giống cỡ lớn của hợp tác xã. Phải xây dựng các cơ sở nuôi cá thịt của quốc doanh, với một số xí nghiệp nuôi cá thịt có năng suất rất cao ở các vùng ven thị, các khu công nghiệp tập trung. Cần cải tạo ao nhỏ, ruộng trũng của hợp tác xã, đi đôi với việc đẩy mạnh chăn nuôi lợn, trồng cây thức ăn và trang bị công cụ cho nghề cá. Muốn giải quyết được công tác xây dựng cơ bản của nghề cá nhanh, gọn, dứt điểm, cần có kế hoạch hướng dẫn về thiết kế, thi công và đi vào sản xuất theo hướng tận dụng các nguyên vật liệu tại chỗ và theo đúng yêu cầu kỹ thuật, để vừa tiết kiệm được đất và lao động mà hiệu quả kinh tế vẫn cao. Từng bước tiến tới phải có đủ cá giống và giống tốt cung cấp theo yêu cầu phát triển của các cơ sở nuôi cá nước ngọt.

7. Phải đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản; nghiên cứu khoa học; xây dựng qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và áp dụng rộng rãi những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

Cần củng cố và chuyển Trạm nghiên cứu Cá nước ngọt Đình-bảng thành trung tâm nghiên cứu cá nước ngọt của miền Bắc nước ta. Đồng thời cần xây dựng thêm hai trại nghiên cứu nuôi cá ở vùng khu IV và miền núi để hướng

dẫn kỹ thuật nuôi, khai thác, chế biến cá thích hợp với từng vùng.

Phải đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản ở các vùng, đặc biệt là vùng hồ thủy lợi. Phải tiếp tục điều tra hồ Thác-bà, Cẩm-sơn, Suối hai, Vân-trúc và một số điểm về ao, ruộng để qui hoạch nuôi cá làm mẫu hướng dẫn cho địa phương. Phải ứng dụng các kỹ thuật mới trong các khâu sản xuất giống nhân tạo có năng suất cao. Cần nuôi cá trẻ xuất khẩu, nuôi cá thịt có năng suất 3—7 tấn/ha và đẩy mạnh nuôi cá ruộng. Cần hoàn chỉnh kỹ thuật nuôi cá nước chảy, đẩy mạnh công tác lai tạo giống cá và tổ chức giữ những giống thuần chủng của ngành để cung cấp cá bố mẹ cơ bản cho các hợp tác xã. Cần tiếp tục nghiên cứu lai tạo cá chép kính với cá chép trắng.

Phải tiến tới xây dựng cho được một số thực đơn thức ăn tổng hợp cho cá giống làm cơ sở cho công nghiệp chế biến thức ăn hỗn hợp cho cá vào những năm sau. Cần nghiên cứu cơ giới và nửa cơ giới ở hồ lớn bằng lưới liên hợp cỡ lớn, lưới rê ba lớp, lưới rùng có đục, lưới giã...

Đẩy mạnh khai thác tôm và cá dầu. Cần nghiên cứu cải tiến việc chế nước mắm và làm chượp, làm bột cá bằng cá nước ngọt để làm thức ăn cho người và gia súc. Cần tiếp tục hoàn chỉnh và phổ biến rộng rãi các qui trình, qui phạm kỹ thuật nuôi cá, ương giống cá, khai thác cá và sản xuất kích-dục tố gonados timulin B của ngành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất theo hướng thâm canh tăng năng suất. Cần điều chỉnh, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật trong ngành cá nước ngọt theo hướng trực tiếp sản xuất và phục vụ sản xuất. Phải đưa khoảng 80% kỹ sư và 84% trung cấp kỹ thuật nuôi cá nước ngọt về công tác ở các cơ sở sản xuất và tăng cường cho cấp huyện. Cần củng cố trường đào tạo cán bộ kỹ thuật của ngành thủy sản, như trường đại học Thủy sản, Trường trung cấp và đào tạo công nhân kỹ thuật nuôi cá nước ngọt Thác-bà. Cần cải tiến chương trình giảng dạy từ sơ cấp đến bậc đại học và tăng cường trang bị thiết bị cho các cơ sở thực tập cho các trường trên. Phải tiến tới thành lập một trường đào tạo cán bộ trung cấp và công nhân kỹ thuật nuôi cá, mỗi năm ra trường từ 800 đến 1 000 học sinh. Mặt khác, phải nghiên cứu và cử người đi học nước ngoài theo các chế độ thực tập sinh, nghiên cứu sinh, tham quan, trao đổi tương đương... để học tập kinh nghiệm tiên tiến về nuôi cá của các nước khác.

8. Phải nghiên cứu các chính sách đòn bẩy kinh tế, xây dựng các định mức kinh tế kĩ thuật nhằm thúc đẩy sản xuất nghề cá phát triển nhanh, mạnh, vững chắc.

Trong những năm tới, ngành cá nước ngọt cần nghiên cứu đề đệ trình Nhà nước xét duyệt các chính sách, chế độ cần thiết, như điều lệ quản lí sử dụng mặt nước, điều lệ hợp tác xã cá sông, chính sách đầu tư và thu mua giá cá giống, cá thịt, luật bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chế độ tài vụ trong quốc doanh cá, chế độ khoán công điểm trong hợp tác xã cá v.v...

9. Phải xây dựng những cơ sở chuyên sản xuất và thu mua các đặc sản xuất khẩu của ngành cá nước ngọt để có ngoại tệ nhập thiết bị vật tư cho ngành:

Khả năng xuất khẩu của ngành cá nước ngọt rất lớn. Vừa qua, hằng năm ngành ngoại thương đã thu mua hàng trăm tấn cá nước ngọt để xuất khẩu. Thời gian tới phải đẩy mạnh công tác xuất khẩu cá nước ngọt theo các hướng sau:

— Tổ chức những xí nghiệp chuyên sản xuất cá trê, cá chép xuất khẩu; đẩy mạnh sản xuất cá trê ở những hợp tác xã tiện đường giao thông với cảng.

— Ủy ban Nông nghiệp trung ương và Bộ Ngoại thương cần bàn bạc, nghiên cứu và trình Chính phủ xét duyệt, cho ban hành một số chính sách về xuất và thu mua các đặc sản xuất khẩu để trao đổi vật tư và thiết bị cần thiết cho việc xây dựng, phát triển ngành nuôi cá nước ngọt theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

10. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của các cấp chính quyền đối với việc phát triển nghề nuôi cá nước ngọt.

— Trước hết, cần tăng cường cán bộ, củng cố tổ chức của ngành từ trung ương đến địa phương theo ngành và theo lãnh thổ. Bộ máy chỉ đạo ngành cá nước ngọt phải tập trung, thống nhất và có hiệu lực. Ngành cá nước ngọt phải nâng cao tinh thần trách nhiệm và sự quyết tâm nỗ lực của mình, cùng với các ngành các cấp, chỉ đạo thật tốt phong trào «toàn dân nuôi cá», nhanh chóng tận dụng hết diện tích mặt nước sẵn có vào nuôi, thả và khai thác cá.

Trên cơ sở qui hoạch, cần làm tốt kế hoạch phát triển nuôi cá theo ngành, theo cấp thành một thể thống nhất, tránh tình trạng các chỉ tiêu kế hoạch ở mỗi cấp một khác, làm mất cân đối trong ngành. Cần tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và các qui trình tiêu chuẩn kĩ thuật đã ban hành. Thời gian tới, đề nghị Ủy ban Kế hoạch Nhà nước nên đưa chỉ tiêu thống kê nghề cá nước ngọt thành chế độ báo cáo định kì của ngành nông nghiệp.

Trong công tác chỉ đạo, phải xây dựng cho được các cơ sở điển hình toàn diện hay từng phần của trung ương, tỉnh, huyện để giúp kinh nghiệm hướng dẫn chung. Mặt khác, phải đẩy mạnh phong trào thi đua giữa các đơn vị, phải khen thưởng kịp thời những đơn vị tiên tiến.